

CHU VĂN AN -

NHÀ GIÁO MẪU MỤC, NHÀ VĂN HÓA LỚN CUỐI THỜI TRẦN

THS. LÊ THANH HÀ

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Chu Văn An là nhà giáo mẫu mực, nhà văn hóa lớn cuối thời Trần. Ông nổi tiếng chính trực, tính tình nghiêm nghị, học vấn sâu rộng, tư cách thanh cao, sửa mình trong sạch, giữ gìn tiết tháo, không cầu danh lợi, danh tiếng lan xa, học trò tìm đến theo học rất đông. Ông có công lớn trong việc truyền bá, giáo dục tư tưởng đạo đức Khổng giáo. Ông trở thành tấm gương tiêu biểu của đạo Thầy, đạo Học của nước ta.

Chu Văn An - Nhà giáo mẫu mực

Chu Văn An (1292-1370) còn được gọi là Chu An, Chu Văn Trinh tự là Linh Triệt, hiệu là Tiểu Ẩn, người làng Quang Liệt (nay là thôn Văn), xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Ngay từ hồi trẻ, Chu Văn An đã nổi tiếng là một người cương trực, luôn sửa mình trong sạch, không cầu danh lợi, ham đọc sách. Sau khi thi đỗ Thái học sinh, ông không ra làm quan mà trở về quê mở trường dạy học tại tư gia. Học trò nhiều nơi tìm đến theo học rất đông.

Về cách giáo dục học trò, ông rất nghiêm khắc, giữ đạo. Một trong những nguyên tắc cốt yếu để cảm hóa học trò của Chu Văn An chính là: muốn dạy bảo trò tốt thì thầy phải nghiêm, luôn là tấm gương đạo đức cho học trò. Học trò là tấm gương phản chiếu rõ nét nhất, trung thực nhất về người thầy. Vì vậy, người thầy phải làm gương cho trò về mọi mặt từ lời ăn tiếng nói đến tác phong, hành động, cử chỉ, cách ăn mặc, đặc biệt là việc làm. Trong số những học trò được ông dạy dỗ, có nhiều người đỗ đạt và làm quan lớn



Tượng Chu Văn An
thờ tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám

trong triều như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát, tuy là đại quan nhưng vẫn giữ lễ, trọng nghĩa nên được Chu Văn An rất quý mến. Ngược lại, có những học trò làm quan nhưng không giữ gìn được phẩm hạnh, ông nghiêm khắc trách mắng, phê bình. Tính nghiêm nghị, phẩm chất thanh tao giữ trọn khí tiết của nhà Nho cùng với học vấn sâu rộng, uyên thâm của Chu Văn An làm cho trường học của ông ngày càng nổi tiếng.

Đức độ và uy tín của ông làm cảm phục lòng người, thậm chí còn có một giai thoại, sự tích dân gian gắn với việc dạy học của ông như sau: Vào đời Đại Khánh, Chu Văn An dạy học ở xã Cung Hoàng, người học rất đông. Trong số đó có một thư sinh sớm sớm đến nghe giảng. Thầy rất khen tính cần mẫn nhưng không ai biết tung tích quê quán. Đồng học có kẻ để ý dò la, thấy người đó đến đấm lau sậy bên bờ Lân Đàm

(có tên là Liên Đàm - nay là Linh Đàm) thì biến mất¹. Ông biết là Thủy thần. Gặp lúc đại hạn kéo dài, giảng bài xong, ông gọi các trò lại hỏi xem ai có tài thì làm mưa giúp dân, giúp thầy. Người học trò kỳ lạ trước có vẻ ngần ngại, sau kháng khái đứng dậy thưa với thầy: “Con biết trái lệnh triều đình là sẽ bị trừng phạt, nhưng con xin làm để tuân lời thầy và giúp dân”². Sau đó, người học trò lấy nghiên mực và đem bút ra giữa sân mài mực, rồi ngửa mặt lên trời đọc thần chú, cầm bút thấm mực vẩy khắp bốn phương. Vẩy gần hết mực, thần bèn tung cả nghiên bút lên trời. Lập tức mây đen kéo đến, trời đổ mưa rất lớn. Sau đó có tiếng sét đánh và trời ngớt mưa. Sáng sớm hôm sau, người ta thấy có một thầy tuổng luồng bị sét đánh chết nổi lên ở đầm, Chu Văn An được tin đó, cho là người học trò của mình đã thác, ông thương tiếc vô hạn, sai người làm lễ an táng. Nhân dân các làng lân cận đến giúp sức, sau đó lập đền thờ để tưởng nhớ công đức của thần. Theo truyền thuyết, chỗ nghiên mực bị ném rơi xuống biển thành đầm nước đen, nên người dân nơi đây gọi tên là Đầm Mực. Còn quân bút rơi xuống làng Tả Thanh Oai (có tên là làng Tó), vì thế làng này trở thành làng văn nổi tiếng có danh Nho như: Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Nha...³. Do tài đức và phẩm hạnh, Chu Văn An được vua Trần Minh Tông (1300-1357) mời ra làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám, dạy dỗ các thái tử và phò giúp nhà vua.

Chu Văn An được vua Trần Minh Tông giao giảng dạy cho Thái tử Trần Vương lúc đó mới khoảng 5-6 tuổi (sau này là vua Trần Hiến Tông, 1329-1341). Vị quan Tể tướng đương triều là Trần Nguyên Đán rất quý mến tài đức của Chu Văn An, hay tin ông đồng ý về kinh thành Thăng Long dạy học nên đã hết lòng giúp đỡ. Ở cương vị Tư nghiệp, tuy chưa phải là chức quan đại thần hay ngôi vị trọng yếu trong triều nhưng ông vẫn tham gia chính sự và thường can ngăn vua tâu nhà Trần gìn giữ chính đạo. Đó là trường hợp độc đáo nhất trong lịch sử Việt Nam. Những cống hiến, đóng góp của ông với sự nghiệp giáo dục của nước nhà, từ việc dạy dỗ các thái tử đến những công việc viết sách giáo khoa,

đề xuất các tiêu chí lựa chọn người vào học, chương trình giảng dạy, thi cử để đào tạo và tuyển chọn nhân tài cho đất nước, quả là “không ai sánh bằng”⁴.

Ngoài việc trực tiếp dạy dỗ môn sinh, Chu Văn An còn nghiên cứu, biên soạn sách giáo khoa. Tương truyền, ông có soạn bộ *Từ thư thuyết ước* (bộ sách chú giải bốn cuốn sách của Nho gia là *Đại học*, *Trung dung*, *Luận ngữ*, *Mạnh Tử*), đây là giáo trình dạy học chính của Chu Văn An tại Quốc Tử Giám. Việc Chu Văn An viết sách *Từ thư thuyết ước* chứng tỏ ông là người có học vấn tinh thông, là người đi tiên phong viết sách và trực tiếp truyền dạy tư tưởng Nho giáo trọn vẹn nhất vào Việt Nam.

Chu Văn An - Nhà văn hóa lớn

Không chỉ là một người thầy mẫu mực, Chu Văn An còn là một nhà văn hóa, nhà thơ, nhà trí thức, nhà Nho tiêu biểu cuối thời Trần. Chu Văn An là một bậc hiền Nho, có công lớn trong việc truyền bá, giáo dục tư tưởng, đạo đức Khổng giáo vào nước Đại Việt lúc bấy giờ. Lý tưởng của Khổng giáo là “Trung quân ái quốc”. Sau khi vua Trần Minh Tông mất (1357), tình hình đất nước bắt đầu có những dấu hiệu đi xuống. Trong triều, bọn gian thần bắt đầu lộ hành, kéo bè kết đảng. Vua Trần Dụ Tông lơ là, bỏ bê việc triều chính. Trước tình cảnh triều chính suy đốn, với tư cách là người thầy của vua Dụ Tông, dù là một vị quan nhỏ nhưng Chu Văn An đã nhiều lần can ngăn vua và can đảm viết nên *Thất trảm sớ*, xin chém đầu bảy tên gian thần lộ hành triều chính. *Thất trảm sớ* đã trở thành sự kiện chấn động cả Đại Việt, vì lúc bấy giờ, chỉ có những bậc đại quan mới có quyền khuyên can vua. Bằng việc dâng *Thất trảm sớ*, Chu Văn An đã nêu một tấm gương tiết tháo để các bậc danh Nho những triều đại sau noi theo mà dấn thân dâng sớ, dâng khái can ngăn vua chúa theo đúng đạo Quân - Thần. Nhiều bậc danh nhân lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn... đều có sớ, có khái trần hiện trạng của xã hội, khuyên can vua, chúa phải bớt xa hoa, nghiêm trị bọn xu nịnh... Tuy nhiên, *Thất trảm sớ* đã không được vua Dụ Tông chấp nhận. Việc làm của Chu Văn An

đã nói lên phẩm chất tốt đẹp của ông, làm quan phải mạnh dạn, chính trực, dám nói ra sự thật, giúp ích cho dân. Chu Văn An đã thể hiện đúng phẩm tiết của một kẻ sĩ, một đáng trọng phu, quân tử: “Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất” (giàu sang không thể mua chuộc, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục).

Từ bỏ chốn quan trường, Chu Văn An lui về ở ẩn tại núi Phụng Hoàng, làng Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, Hải Dương và mở trường dạy học tại đây. Ít năm sau khi lên ngôi, vua Trần Dụ Tông có chỉ triệu Chu Văn An hồi triều nhưng ông từ chối. Khi Trần Nghệ Tông lên ngôi, cũng có mời nhưng ông chỉ về Kinh đô chúc mừng, rồi trở lại núi cũ, không nhận chức tước.

Theo thư tịch cũ thì Chu Văn An viết nhiều sách, ngoài hai tập thơ *Quốc ngữ thi tập* bằng chữ Nôm và *Tiểu ẩn thi tập* bằng chữ Hán, ông còn viết một cuốn sách biện luận giản ước về *Tứ thư* nhan đề *Tứ thư thuyết ước*. Theo tài liệu nghiên cứu gần đây, Chu Văn An còn là một nhà đông y, ông đã biên soạn quyển *Y học yếu giải tập chu di biên* gồm những lý luận cơ bản về chữa trị bệnh bằng Đông y. Tuy nhiên, hiện nay mới chỉ sưu tầm được 12 bài thơ của ông chép trong *Toàn Việt thi lục* gồm: *Cung họa ngự chế động chương* (Kính họa thơ vua), *Đề Dương công Thủy Hoa đình* (Đề đình Thủy Hoa của Dương Công), *Giang đình tác* (Cảm tác ở đình bên sông), *Linh Sơn tạp hứng* (Vịnh cảnh núi Chí Linh), *Miết trì* (Ao Ba ba), *Nguyệt tịch bộ Tiên Du sơn tùng kính* (Đêm trăng dạo bước trên đường thông ở núi Tiên Du), *Sơ hạ* (Đầu hạ), *Thanh Lương Giang* (Sông Thanh Lương), *Thôn Nam Sơn tiểu khê* (Tạm nghỉ ở núi Thôn Nam), *Thử vận tặng Thủy Vân đạo nhân* (Họa vận tặng Thủy Vân đạo nhân), *Vọng Thái Lăng* (Trông về Thái Lăng), *Xuân đán* (Buổi sáng mùa xuân).

Chu Văn An mất năm Thiệu Khánh thứ nhất đời vua Trần Nghệ Tông (1370). Sau khi mất, ông được triều đình truy tặng tước Văn Trinh Công (tên gọi Chu Văn Trinh là do sự ân tặng này). Ông được ban tên thụy là Khang Tiết và thờ ở Văn Miếu. Ngô Thế Vinh, nhà văn nổi tiếng thế kỷ XIX, trong bài văn bia ở đền Phụng Sơn, đã giải thích

nghĩa hai chữ “Văn Trinh” như sau: “Văn, đức chi biểu dã; Trinh, đức chi chính cố dã” (Văn là sự bên ngoài thuần nhất của đức; Trinh là tính chính trực, kiên định của đức). Tên thụy như vậy nhằm biểu dương một nhân cách đã kết hợp được hai mặt của đạo đức: bên ngoài thuần nhã, hiền hòa với bên trong chính trực, kiên định. Trong lịch sử giáo dục nước nhà, ông cũng đã giành được địa vị cao quý bậc nhất, xứng đáng đứng đầu các nhà giáo từ xưa tới nay. Quan Tư đồ Trần Nguyên Đán đánh giá về những đóng góp của ông như sau: Nhờ có ông mà “bề học xoay vần, phong tục thuần hậu”. Nhà sử học Ngô Sĩ Liên đời Lê đã phải khen: “... Văn Trinh Công thờ vua thì nói thẳng trước mặt, việc xuất hay xử đều có lý lẽ, rèn đức nhân tài thành công khanh cao thượng tiết tháo khiến thiên tử không bắt nổi làm tôi. Nét mặt nghiêm nghị mà đạo làm thầy được tôn, lời nói nghiêm nghị mà kẻ nịnh phải sợ. Đáng là bậc tôn sư của nhà Nho nước Nam ta, mà được tòng tự tại Văn Miếu lại càng xứng đáng”. Còn học giả Phan Huy Chú viết về Chu Văn An như sau: “Học nghiệp thâm thúy, tiết tháo, cao thượng, được đương thời suy tôn, thời sau ngưỡng mộ. Tìm trong làng Nho nước Việt Nam ta, từ trước đến nay chỉ có mình ông”.

Ngày nay, để tưởng nhớ tới đạo đức và sự nghiệp của ông, những di tích trong nước có liên quan đến ông đều gắn với uy danh người thầy giáo như: Đền Thanh Liệt, Đền Huỳnh Cung, Đền Văn Điển, Đền Phụng Sơn, Mã Thuông Luồng, Đầm Mực, Linh Đàm, v.v.. Đặc biệt, nhân dân Hà Nội đã lấy tên ông để đặt tên cho một đường phố và một trường trung học lớn của Hà Nội, đó là phố Chu Văn An và trường Trung học phổ thông Chu Văn An. Các di tích, đình thờ, trường học, đường phố, giải thưởng giáo dục mang tên Chu Văn An không chỉ mang ý nghĩa lịch sử mà thực sự trở thành một niềm tự hào của các địa phương, của nhân dân cả nước, đồng thời là nơi giáo dục truyền thống hiếu học, truyền thống tôn sư trọng đạo cho ngày nay và cho muôn đời sau. ●

1, 2, 3, 4. Lê Thị Thu Thủy - Hoàng Tuấn Khanh - Lê Đình Hùng: *Chu Văn An - Người thầy của muôn đời*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 103-104, 106, 105, 117-118.